

CẤU TẠO THẬP PHẦN CỦA SỐ THỨ TỰ SO SÁNH SỐ

Bài học:

Một đơn vị ở hàng liền trước gấp 10 lần một đơn vị ở hàng liền sau ta gọi là hệ thập phân (một nghìn = mười trăm; một trăm = mười chục; một chục = mười đơn vị)

$\overline{abcd}$ (a nghìn, b trăm, c chục, d đơn vị)

$$\overline{abcd} = a \times 1000 + b \times 100 + c \times 10 + d = \overline{a000} + \overline{b00} + \overline{c0} + d$$

Bài tập:

1. Viết số: 879654 ; 7925 ; 32048

Thành tổng của hàng trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị.

2. Viết số tự nhiên A biết

a) $A = 9 \times 1000 + 2 \times 100 + 5$

b) $A = 7 \times 10000 + 8 \times 1000 + 9 \times 10$

3. Viết các số tự nhiên liền tiếp từ 19 đến 23 hãy xoá đi 6 chữ số và giữ nguyên thứ tự các chữ số còn lại để có số có 4 chữ số

a) Lớn nhất.

b) Bé nhất

4. Điền dấu (>, =, <) thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\overline{a0a0a} \dots \overline{a000} + \overline{a00} + a$

b) $\overline{a8} + \overline{9b} \dots \overline{ab} + 89$

5. Tìm x:

a) $\overline{1x2} + \overline{3x} + 45 = 243$

b) $\overline{x8} - x \times 2 = 4$

6. So sánh A và B biết :

$$A = \overline{1a23} + \overline{4b7} + \overline{56c}$$

$$B = \overline{abc} + 2000$$

7. Tìm số tự nhiên $\overline{ab}$ biết $a > b$ và $\overline{ab} + \overline{ab} = 187$

8. Tính:

a) $\overline{ab} + \overline{ab}$ biết $a + b = 15$

b) $\overline{ab} - \overline{ab}$ biết $a - b = 4$

9. Điền dấu ($>$, $=$, $<$) vào chỗ chấm:

a) $\overline{4a23} + \overline{5b7} + \overline{68c} \dots \overline{abc} + 5200$

b) $\overline{a3} + \overline{3a} \dots (a + 3) \times 11$

10. Cho tam giác ABC biết:

$$AB + AC = 25\text{cm};$$

$$AC + BC = 35\text{cm};$$

$$BC + AB = 30\text{cm};$$

a) Tính chu vi của tam giác ABC.

b) Tính số đo mỗi cạnh của tam giác.